

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25-9-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thanh Nhanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Châu;
2. Ông Nguyễn Thành Nghiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Chánh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Trịnh Thị Phi Y**;

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**2. Bị đơn:** Anh **Lâm Điền T**;

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Phi Y trình bày:*

Vào ngày 29-4-2003 chị Trịnh Thị Phi Y với anh Lâm Điền T có tổ chức lễ cưới, ngày 22-02-2006 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số I/2006, vào ngày 22-02-2006. Đến ngày 15-6-2018 giữa chị Y và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Chị Y đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Chị Y với anh T đã không còn sống chung từ ngày 15-6-2018 cho đến nay. Nay chị Y yêu cầu được ly hôn với anh T.

Chị Y với anh T có hai người con chung là cháu Lâm Thanh H, sinh ngày 13-7-2005, hiện nay sống chung với anh T và cháu Lâm Thanh H, sinh ngày 24-11-2008, hiện nay chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị yêu cầu giao hai con cho chị nuôi dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Y và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Lâm Điền T:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh biết nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho anh biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*Ý kiến của con chung:*

Trong biên bản ngày 27-8-2020, Tòa án ghi ý kiến của cháu Lâm Thanh H, thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha là anh Lâm Điền T.

Trong biên bản ghi ý kiến của cháu 24-6-2020 thì Lâm Thanh H, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Trịnh Thị Phi Y.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị Y đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Y. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là chị Y có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Lâm Điền T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì chị Y với anh T đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền này vào ngày 22-02-2006, số 09, quyển số I/2006. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt; chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng chị không còn tình cảm với anh T, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc và anh, chị không còn sống chung với nhau từ ngày 15-6-2018 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Y với anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Chị Y với anh T có hai con chung tên Lâm Thanh H, sinh ngày 13-7-2005, hiện nay sống chung với anh T và Lâm Thanh H, sinh ngày 24-11-2008, hiện nay chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu G có nguyện vọng được sống chung với chị Y, còn cháu H có nguyện vọng sống chung với anh T; nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu, nên căn cứ vào quy định của khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên giao cháu G cho chị Y, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về quyền, nghĩa vụ của chị Y và anh T đối với con chung: Chị Y và anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; Anh, chị cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đồng thời anh T cũng không có yêu cầu về cấp dưỡng, nên chị Y và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Phi Y được ly hôn với anh Lâm Diên T.

2. Về con chung:

Giao cháu Lâm Thanh H, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2008 cho chị Trịnh Thị Phi Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu G tròn 18 (mười tám) tuổi.

Giao cháu Lâm Thanh H, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2005 cho anh Lâm Diên T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H tròn 18 (mười tám) tuổi.

Chị Trịnh Thị Phi Y và anh Lâm Diên T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị Trịnh Thị Phi Y và anh Lâm Diên T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Phi Y phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002314 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy chị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu văn phòng Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Thanh Nhanh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Châu**

**Cao Thanh Nhanh**

**Nguyễn Thành Nghiêm**